

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TRÀ VINH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-01-2021

*“V/v Xin ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. ông Lê Văn Cao
2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Giữ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:** ông Đặng Chí Thiện, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 322/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2020, về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1980 (vắng mặt)  
Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

**- Bị đơn:** Bà Vi Thu B, sinh năm 1978 (vắng mặt)  
Địa chỉ: Khóm F, phường G, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

**- Con chưa thành niên:**  
Nguyễn Vi Minh C, sinh ngày 28/3/2011 (vắng mặt)  
Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A có đơn xin xét xử vắng mặt nên vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn bà Vi Thu B và con chưa thành niên Nguyễn Vi Minh C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 9 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A thể hiện:*

Ông Nguyễn Văn A và bà Vi Thu B kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vào năm 2009. Quá trình chung sống ông A và bà B có 01 người con là Nguyễn Vi Minh C, sinh ngày 28/3/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cự cãi với nhau, bà B có mâu thuẫn mẹ ruột của ông A nên bỏ về sống tại nhà mẹ ruột của bà B. Ông A đã nhiều lần đến gặp bà B hòa giải để vợ chồng cùng nhau quay về chung sống xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con nhỏ nhưng đều không thành nên ông A và bà B đã ly thân nhau được khoảng 02 năm. Vì tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa nên ông A yêu cầu được ly hôn với bà Vi Thu B. Về con chung 01 người là Nguyễn Vi Minh C, sinh ngày 28/3/2011, hiện nay đang sống với ông A nên ông A yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bà B phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn bà Vi Thu B vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.*

*- Con chung chưa thành niên Nguyễn Vi Minh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện:* Con là con của cha Nguyễn Văn A và mẹ Vi Thu B. Sau khi cha mẹ con ly hôn thì con có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha Nguyễn Văn A.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn A có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông A được ly hôn với bà Vi Thu B. Về con chung 01 người là Nguyễn Vi Minh C, sinh ngày 28/3/2011, ông A yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bà B phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung ông A khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Vi Thu B vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Các đương sự đều vắng mặt nên cũng không trực tiếp thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không có đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình. Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A, cho ông A được ly hôn với bà Vi Thu B.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Vi Minh C, sinh ngày 28/3/2011 cho ông Nguyễn Văn A tiếp tục nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung là được sống chung với cha.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do ông A không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn A khai không có tài sản chung và không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Xin ly hôn”, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Vi Thu B mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nhưng bà B vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử có căn cứ để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn A và bà Vi Thu B kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vào năm 2009. Do trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm được và đã ly thân nhau thời gian dài nên ông A yêu cầu được ly hôn với bà B.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông A, do giữa vợ chồng ông A đã có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nên ông A yêu cầu ly hôn với bà B. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống vợ chồng ông A và bà B không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của ông A là có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Vi Thu B vắng mặt không có lý do cũng đã thể hiện ý chí bà B là không muốn hàn gắn để cùng về tiếp tục chung sống, xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy các con chưa thành niên với ông A và cũng thể hiện bà B đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B.

Do giữa vợ chồng ông A và bà B đã có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông A, cùng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về con chung: 01 người là Nguyễn Vi Minh C, sinh ngày 28/3/2011. Qua lời khai của con chưa thành niên đã thể hiện cháu Nguyễn Vi Minh C có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha. Ông A yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung chưa thành niên.

Xét yêu cầu của ông A là phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Ông A không yêu cầu bà B phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của ông A nên cần được ghi nhận, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông Nguyễn Văn A khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn A phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 57; 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn A.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn A được ly hôn với bà Vi Thu B.

- Về con chung: 01 người là Nguyễn Vi Minh C, sinh ngày 28/3/2011, giao cho ông A tiếp tục nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu C là được tiếp tục sống chung với cha, bà Vi Thu B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn A khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

**\* Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:** Buộc ông Nguyễn Văn A phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000

(ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà ông A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001039 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, nên ông A không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai báo đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- UBND nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Bích Chi**